

Số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/08/2007 và Thông tư 57/2012/TT-BGD&ĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế 43;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 408/QĐ-ĐTĐHTN, ngày 22/04/2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 756/QĐ-ĐT, ngày 21/08/2013, Quyết định số 604/QĐ-ĐT ngày 19/06/2014 về sửa đổi khoản 2 và 3 điều 27 của quy định 756; Quy định quản lý đào tạo các chương trình tiên tiến trình độ đại học hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 674/QĐ-ĐTQT, ngày 16/06/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm;

Căn cứ kết quả họp của Hội đồng xét tốt nghiệp trường ngày 18/04/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp chính quy cho 36 sinh viên hệ đại học gồm: 01 sinh viên K41 (khóa học 2009-2013), 03 sinh viên K42 (khóa học 2010-2014), 04 sinh viên K43 (khóa học 2011-2015), 03 sinh viên K44 (khóa học 2012-2016), 20 sinh viên K45 (khóa học 2013-2017); 01 sinh viên K46 (khóa học 2014-2018), 03 sinh viên liên thông K47 (khóa học 2015-2017), và 01 sinh viên văn bằng 2 K47 (khóa học 2015-2017).

(Có danh sách sinh viên kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà): Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng CT- HSSV, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHTN (báo cáo);
- BGH (báo cáo);
- Điều 2 (thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Văn Diên

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH CHĂN NUÔI THÚ Y, NGÀNH CHĂN NUÔI
KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1353040023	Vũ Hồng	Quỳnh	26/03/1995	Nam	Chăn nuôi thú y 1 K45	6,58	2,29	Trung bình
2	DTN1353040045	Vàng Văn	Sử	20/01/1994	Nam	Chăn nuôi thú y 1 K45	6,17	2,04	Trung bình
3	DTN1353040014	Vy Dũng	Hòa	10/02/1995	Nam	Chăn nuôi thú y 1 K45	6,34	2,09	Trung bình
4	DTN1153040002	Ngô Quốc	Anh	24/06/1993	Nam	Chăn nuôi thú y N02 K43	6,27	2,16	Trung bình

(Ấn định danh sách: 4 sinh viên)

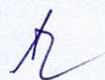


**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH THÚ Y, NGÀNH THÚ Y
KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1353050254	Phan Ngọc	Châm	21/01/1995	Nữ	Thú y 1 K45	6,71	2,43	Trung bình
2	DTN1353050024	Mông Thị	Dinh	11/12/1995	Nữ	Thú y 1 K45	7,3	2,69	Khá
3	DTN1353050061	Nguyễn Thị Mai	Hương	12/07/1995	Nữ	Thú y 1 K45	6,71	2,36	Trung bình
4	DTN1353050062	Hoàng Thị	Hường	06/10/1995	Nữ	Thú y 1 K45	7,64	3,07	Khá
5	DTN1353050162	Đỗ Thị	Yến	19/08/1995	Nữ	Thú y 1 K45	6,69	2,33	Trung bình
6	DTN1353050017	Nguyễn Hoàng	Chinh	04/08/1995	Nữ	Thú y 3 K45	6,71	2,39	Trung bình
7	DTN1253050024	Trần Văn	Quang	10/02/1994	Nam	Thú y 1 K44	6,84	2,5	Khá
8	DTN1053050035	Đàm Quang	Huy	25/02/1991	Nam	Thú y K42	6,16	2,03	Trung bình
9	DTN1563050016	Hứa Văn	Thủy	07/03/1993	Nam	Liên thông Thú y K47	7,04	2,61	Khá

(Ấn định danh sách: 9 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH SƯ PHẠM KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP, NGÀNH SƯ PHẠM KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP
KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1053090002	Hoàng Thu	Hà	16/07/1992	Nữ	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp K42	6,8	2,51	Khá

(Ấn định danh sách: 1 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM, NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM
KHOA CÔNG NGHỆ SINH HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1053170051	Tạ Văn	Trung	04/06/1992	Nam	Công nghệ thực phẩm K42	6,24	2,02	Trung bình

(Ấn định danh sách: 1 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHÍNH MÔI TRƯỜNG, NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153180211	Nguyễn Hùng	Son	22/09/1993	Nam	Địa chính môi trường N03 K43	6,24	2,01	Trung bình

(Ấn định danh sách: 1 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-DHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1354110211	DƯƠNG THÀNH	LUÂN	20/11/1994	Nam	Quản lý đất đai K46N02	6,1	2,04	Trung bình
2	DTN1564120013	Lưu Thị	Hằng	10/08/1993	Nữ	Liên thông Quản lý đất đai K47	7,44	2,88	Khá
3	DTN1564120015	Nguyễn Khắc	Tuyên	02/02/1993	Nam	Liên thông Quản lý đất đai K47	7,5	2,98	Khá
4	DTN1574120004	Hà Thị Thanh	Thủy	31/03/1989	Nữ	VB2 Quản lý đất đai K47	7,62	2,96	Khá

(Án định danh sách: 4 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
KHOA KINH TẾ - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1354110150	Dinh Mí	Súng	05/09/1992	Nam	Kinh tế nông nghiệp 4 K45	6,85	2,4	Trung bình
2	DTN1354110196	Nguyễn Trọng	Khải	27/09/1995	Nam	Kinh tế nông nghiệp 3 K45	6,06	2,02	Trung bình

(Ấn định danh sách: 2 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
KHOA KINH TẾ - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1354140112	Tòng Văn	Tâm	18/09/1993	Nam	Phát triển nông thôn 1 K45	6,45	2,18	Trung bình

(Ấn định danh sách: 1 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH KHUYẾN NÔNG, NGÀNH KHUYẾN NÔNG
KHOA KINH TẾ - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1353080004	Nông Khánh	Hoàn	04/03/1994	Nam	Khuyến nông 1 K45	6,19	2,11	Trung bình

(Ấn định danh sách: 1 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG, NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG
KHOA LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

TT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN0953160030	Nguyễn Văn	Linh	15/03/1991	Nam	Quản lý tài nguyên rừng K41	6,3	2,14	Trung bình

(Ấn định danh sách: 1 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG, NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
KHOA MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1353110073	Thân Trung	Đức	03/08/1995	Nam	Khoa học môi trường 1 K45	7,02	2,54	Khá
2	DTN1253110050	Đàm Văn	Duy	06/11/1994	Nam	Khoa học môi trường 2 K45	6,27	2,13	Trung bình
3	DTN1353110114	Trần Trung	Hiếu	01/10/1995	Nam	Khoa học môi trường 4 K45	6,93	2,55	Khá

(Ấn định danh sách: 3 sinh viên)



DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH KHOA HỌC VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG (CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG ANH)
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153180023	Trần Trung Dũng	26/04/1993	Nam	KH&QLMT K43	6,59	2,29	Trung bình
2	DTN1054120172	Vũ Xuân Trường	08/10/1992	Nam	KH&QLMT K43	7,89	3,15	Khá
3	DTN1354110099	Nguyễn Đức Mạnh	10/09/1994	Nam	KH&QLMT K45	7,19	2,65	Khá
4	DTN1454290050	Juan Miguel Devanadera Amara	13/08/1998	Nam	KH&QLMT K45	7,57	2,94	Khá
5	DTN1353110372	Nguyễn Thị Quỳnh Lâm	06/11/1995	Nữ	KH&QLMT K45	8,28	3,46	Giỏi
6	DTN1353070205	Kiều Mạnh Tuấn	01/12/1995	Nam	KH&QLMT K45	7,25	2,71	Khá

(Ấn định danh sách: 6 sinh viên)



DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH KHOA HỌC VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG (CHƯƠNG TRÌNH THƯỜNG)
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
(Kèm theo QĐ số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1253110106	Dương Thị Hồng Ngọc	22/10/1994	Nữ	KH&QLMT K44	7,55	2,94	Khá
2	DTN1253180029	Phạm Hồng Thanh	04/09/1994	Nam	KH&QLMT K44	7,67	2,98	Khá

(Ấn định danh sách: 2 sinh viên)

